DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO KHÓ TUYỂN SINH NHƯNG XÃ HỘI CÓ NHU CẦU

Mã ngành, nghề đào tạo	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ (*)
21	**Nghệ thuật**	
2102	**Nghệ thuật trình diễn**	
210202	Nghệ thuật biểu diễn dân ca	TC, CĐ
210218	Đờn ca nhạc tài tử Nam Bộ	TC, CĐ
210245	Nghệ thuật biểu diễn cải lương	TC, CĐ
210246	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	TC
34	**Kinh doanh và quản lý**	
3404	**Quản trị - Quản lý**	
340429	Quản lý khai thác công trình thủy lợi	TC, CĐ
42	**Khoa học sự sống**	
4202	**Sinh học ứng dụng**	
420203	Sinh học ứng dụng	TC, CĐ
51	**Công nghệ kỹ thuật**	
5101	**Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng**	
510103	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	TC, CĐ
5102	**Công nghệ kỹ thuật cơ khí**	
510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	TC, CĐ
5103	**Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông**	
510312	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	TC, CĐ
510314	Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà	TC, CĐ

Mã ngành, nghề đào tạo	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ (*)
5104	**Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường**	
510414	Công nghệ sơn ô tô	TC
52	**Kỹ thuật**	
5201	**Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật**	
520104	Chế tạo thiết bị cơ khí	TC, CĐ
520198	Cơ khí xây dựng	TC, CĐ
5290	**Khác**	
529001	Kỹ thuật lò hơi	TC, CĐ
529002	Kỹ thuật tua bin	TC, CĐ
54	**Sản xuất và chế biến**	
5401	**Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống**	
540101	Công nghệ thực phẩm	TC, CĐ
58	**Kiến trúc và xây dựng**	
5802	**Xây dựng**	
580201	Kỹ thuật xây dựng	TC, CĐ
580203	Xây dựng cầu đường	TC
580212	Điện - Nước	TC
62	**Nông, lâm nghiệp và thủy sản**	
6201	**Nông nghiệp**	
620110	Khoa học cây trồng	TC, CĐ
620111	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	TC, CĐ
620112	Bảo vệ thực vật	TC, CĐ

Mã ngành, nghề đào tạo	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ (*)
620117	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	TC, CĐ
620120	Chăn nuôi - thú y	TC, CĐ
620131	Nông nghiệp công nghệ cao	TC, CĐ
620137	Trồng trọt	TC
6202	**Lâm nghiệp**	
620211	Quản lý tài nguyên rừng	TC, CĐ
6203	**Thủy sản**	
620301	Nuôi trồng thủy sản	TC, CĐ
620302	Chế biến và bảo quản thủy sản	TC, CĐ
620304	Khai thác thủy sản	TC, CĐ
620305	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ	TC, CĐ
72	**Sức khỏe**	
7203	**Điều dưỡng - Hộ sinh**	
720302	Hộ sinh	TC, CĐ
76	**Dịch vụ xã hội**	
7601	**Công tác xã hội**	
760101	Công tác xã hội	TC, CĐ
84	**Dịch vụ vận tải**	
8401	**Khai thác vận tải**	
840109	Điều khiển tàu biển	TC, CĐ
840111	Khai thác máy tàu thủy	TC, CĐ

(*) Ghi chú: TC, CĐ trong cột trình độ lần lượt dùng để chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng của hệ thống giáo dục quốc dân.